

Số: /QĐ-BYT

*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của các Khu vực điều trị người bệnh COVID-19**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 30/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của 03 Khu vực điều trị người bệnh COVID-19:

1. Khu vực 1: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 không triệu chứng và nhẹ:

- a) Danh mục nhu cầu trang thiết bị thiết yếu: Phụ lục số 1.1
- b) Danh mục nhu cầu vật tư tiêu hao thiết yếu: Phụ lục số 1.2
- c) Danh mục nhu cầu thuốc thiết yếu: Phụ lục số 1.3

2. Khu vực 2: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 mức độ trung bình:

- a) Danh mục nhu cầu trang thiết bị thiết yếu: Phụ lục số 2.1
- b) Danh mục nhu cầu vật tư tiêu hao thiết yếu: Phụ lục số 2.2
- c) Danh mục nhu cầu thuốc thiết yếu: Phụ lục số 2.3

3. Khu vực 3: 01 Đơn vị 20 giường bệnh trong Khoa Hồi sức tích cực, điều trị 20 người bệnh COVID-19 nặng, nguy kịch (Khoa Khoa Hồi sức tích cực của Bệnh viện có hệ thống oxy trung tâm và nhân lực đủ năng lực kỹ thuật thực hiện).

- a) Danh mục nhu cầu trang thiết bị thiết yếu: Phụ lục số 3.1
- b) Danh mục nhu cầu vật tư tiêu hao thiết yếu: Phụ lục số 3.2

c) Danh mục nhu cầu thuốc thiết yếu: Phụ lục số 3.3

**Điều 2.** Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế ngành, căn cứ vào Danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu quy định tại Điều 1 để rà soát số lượng hiện có, bổ sung và bảo đảm trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu đáp ứng với nhu cầu điều trị theo diễn biến tình hình dịch bệnh COVID-19. Số lượng vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu sử dụng thực tế theo số lượng người bệnh COVID-19.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, các đơn vị đã thực hiện thủ tục đầu tư phương tiện phòng hộ cá nhân, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc của đơn vị cách ly điều trị Covid-19 theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế đã ban hành được phép tiếp tục triển khai thực hiện và tổ chức quản lý theo quy định.

**Điều 4.** Bãi bỏ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế số 941/QĐ-BYT ngày 17 tháng 3 năm 2020 ban hành Danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19 và Quyết định số 1533/QĐ-BYT ngày 03/4/2020 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 941/QĐ-BYT.

**Điều 5.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của các tỉnh, thành phố, Giám đốc các Bệnh viện, Viện trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- PTTg Vũ Đức Đam, TBCĐQGPCD COVID19 (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/c)
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;  
Website Cục KCB;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trường Sơn**

**Phụ lục số 1.1. DANH MỤC NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU**  
 Khu vực 1: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 không triệu chứng và nhẹ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
 ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Bộ dụng cụ thở oxy (bình làm ấm, đồng hồ đo lưu lượng...)	Bộ	2
2.	Máy X quang di động	Cái	1
3.	Máy siêu âm có $\geq 3$ đầu dò	Cái	1
4.	Máy theo dõi BN $\geq 5$ thông số	Cái	2
5.	Máy đo độ bão hoà ô xy kẹp tay	Cái	10
6.	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	Hệ thống	1
7.	Máy tạo oxy y tế (cần nếu không có hệ thống oxy)	Cái	5
8.	Bơm tiêm điện	Cái	2
9.	Máy truyền dịch	Cái	1
10.	Máy hút đờm	Cái	1
11.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Cái	1
12.	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Cái	1
13.	Bộ đèn đặt nội khí quản thường	Bộ	1
14.	Bộ mở khí quản	Bộ	1
15.	Đèn thủ thuật	Cái	1
16.	Bóng ambu có van PEEP	Cái	2
17.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Bộ	1
18.	Nhiệt kế	Cái	20
	Trang thiết bị khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở KCB		
	<p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù.</li> <li>- Các trang thiết bị có thể được sử dụng chung cho các Khu vực 1 và 2 điều trị người bệnh COVID-19.</li> </ul>		

**Phụ lục số 1.2. DANH MỤC NHU CẦU VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU**  
 Khu vực 1: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 không triệu chứng và nhẹ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
 ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

<b>STT</b>	<b>Tên vật tư tiêu hao</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	Hộp	10
2.	Týp đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	Hộp 50 cái	180
3.	Que lấy mẫu ngoáy dịch tỵ hầu và que lấy mẫu dịch ngoáy họng	Hộp 100 cái	100
4.	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	Chiếc	3
5.	Dây thở oxy	Chiếc	3
6.	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	Cái	3
7.	Điện cực dính	Cái	15
8.	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	Bộ	1
9.	Tấm che MIKA (khi đặt ống NKQ)	Cái	10
10.	Kit xét nghiệm PCR COVID-19	Test	170
	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở KCB		
	<i>Lưu ý: Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù.</i>		

### Phụ lục số 1.3. DANH MỤC NHU CẦU THUỐC THIẾT YẾU

Khu vực 1: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 không triệu chứng và nhẹ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
1.	Ceftriaxon 1g/Cefotaxime 1g	Tiêm/truyền		Lọ	10
2.	Levofloxacin 0,5 g	Tiêm/truyền	100ml	Lọ	10
3.	Levofloxacin 0,5 g	Uống		Viên	20
4.	Cefazidime 500mg	Tiêm/truyền		Lọ	20
5.	Amikacin 0,5 g	Tiêm/truyền	2ml	Lọ	10
6.	Azithromycin 500mg	Uống		Viên	20
7.	Azithromycin sirô 200mg/5ml	Uống		Gói	5
8.	Adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	10
9.	Nor-adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	10ml	Ống	10
10.	Midazolam 5mg/ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	10
11.	Morphin 10mg/1ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	10
12.	Fentanyl 0,5mg/10ml; 0,1mg/2ml	Tiêm/truyền	10ml ; 2ml	Ống	10
13.	Atracurium 2mg/ml	Tiêm/truyền	2,5ml	Ống	10
14.	Phenobacital 100mg/1ml/ống	Tiêm/truyền	1ml	Ống	10
15.	Kali clorid 10% ống	Tiêm/truyền	10ml	Ống	10
16.	Calci gluconat/calci clorua 10%	Tiêm/truyền		Ống	10
17.	Natri bicacbonat 8,4% ống	Tiêm/truyền		Ống	10
18.	Magie sulphat 15% ống 5ml	Tiêm/truyền	5ml	Ống	10
19.	Natri clorid 0,9% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	10
20.	Glucose 5% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	10
21.	Glucose 10% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	10
22.	Ringer lactat	Tiêm/truyền		Chai	10
23.	Ringer lactat + Glucose	Tiêm/truyền		Chai	10
24.	Hydrocortison 100mg	Tiêm/truyền		Lọ	10
25.	Methylprednisolon 125mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	10
26.	Paracetamol 0,5g	Uống		Viên	1120
27.	Vitamin C 0,5g	Uống		Viên	600
28.	Orezol 1g	Uống		Gói	480
Thuốc khác khi cần thiết, sử dụng từ nguồn thuốc sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh					
<p>Lưu ý:</p> <p>1) Khi không có các thuốc có hàm lượng trong danh mục trên, các cơ sở có thể lựa chọn các thuốc với hàm lượng khác và quy đổi tương đương.</p> <p>2) Khi không có các thuốc trong danh mục trên, các cơ sở có thể chọn thuốc khác cùng nhóm tác dụng điều trị.</p> <p>3) Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trữ.</p>					

**Phụ lục số 2.1. DANH MỤC NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU**  
 Khu vực 2: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 mức độ trung bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
 ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Bộ dụng cụ thở oxy (bình làm ấm, đồng hồ đo lưu lượng...)	Bộ	5
2.	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	Cái	1
3.	Máy X quang di động	Cái	1
4.	Máy siêu âm có $\geq 3$ đầu dò	Cái	1
5.	Máy theo dõi BN $\geq 5$ thông số	Cái	5
6.	Máy đo độ bão hoà ô xy kẹp tay	Cái	10
7.	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	Hệ thống	1
8.	Máy tạo oxy y tế (cần nếu không có Hệ thống oxy)	Cái	10
9.	Bơm tiêm điện	Cái	20
10.	Máy truyền dịch	Cái	2
11.	Máy hút đờm	Cái	2
12.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Cái	2
13.	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Cái	2
14.	Bộ đèn đặt nội khí quản thường	Bộ	1
15.	Máy khí dung thường	Cái	2
16.	Máy phá rung tim có tạo nhịp	Cái	1
17.	Bộ mở khí quản	Bộ	1
18.	Đèn thủ thuật	Cái	1
19.	Bóng ambu có van PEEP	Cái	2
20.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Bộ	1
19.	Nhiệt kế	Cái	20
	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh		
	<p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù.</li> <li>- Các trang thiết bị có thể được sử dụng chung cho các Khu vực 1 và 2 điều trị người bệnh COVID-19.</li> </ul>		

**Phụ lục số 2.2. DANH MỤC NHU CẦU VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU**  
 Khu vực 2: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 mức độ trung bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
 ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

<b>STT</b>	<b>Tên vật tư tiêu hao</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	Hộp	10
2.	Týp đựng môi trường vận chuyên bệnh phẩm	Hộp 50 cái	180
3.	Que lấy mẫu ngoáy dịch tỵ hầu và que lấy mẫu dịch ngoáy họng	Hộp 100 cái	100
4.	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	Chiếc	3
5.	Dây thở oxy	Chiếc	3
6.	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	Cái	3
7.	Catheter dẫn lưu màng phổi	Cái	3
8.	Túi đo nước tiểu	Túi	3
9.	Sonde foley	Cái	3
10.	Điện cực dính	Cái	15
11.	Canuyn mở khí quản cỡ từ 3,5; 4; 4,5; 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5 và 8 (mỗi loại 01)	Chiếc	10
12.	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	Bộ	2
13.	Dây nối máy thở	Chiếc	10
14.	Tấm che MIKA (khi đặt ống NKQ)	Cái	10
15.	Kính bảo hộ	Cái	10
16.	Mặt nạ che mặt	Cái	10
17.	Kit xét nghiệm PCR COVID-19	Test	170
	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh		
<i>Lưu ý: Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù.</i>			

**Phụ lục số 2.3. DANH MỤC NHU CẦU THUỐC THIẾT YẾU**

Khu vực 2: 20 giường bệnh điều trị 20 người bệnh COVID-19 mức độ trung bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
1.	Ceftriaxon 1g/Cefotaxime 1g	Tiêm/truyền		Lọ	200
2.	Levofloxacin 0,5 g	Tiêm/truyền	100ml	Lọ	600
3.	Levofloxacin 0,5 g	Uống		Viên	140
4.	Cefazidime 500mg	Tiêm/truyền		Lọ	400
5.	Amikacin 0,5 g	Tiêm/truyền	2ml	Lọ	300
6.	Azithromycin 500mg	Uống		Viên	200
7.	Azithromycin sirô 200mg/5ml	Uống		Gói	10
8.	Adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	20
9.	Nor-adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	10ml	Ống	20
10.	Midazolam 5mg/ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	20
11.	Morphin 10mg/1ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	20
12.	Fentanyl 0,5mg/10ml ; 0,1mg/2ml	Tiêm/truyền	10ml ; 2ml	Ống	20
13.	Atracurium 2mg/ml	Tiêm/truyền	2,5ml	Ống	20
14.	Phenobacbitol 100mg/1ml/ống	Tiêm/truyền	1ml	Ống	20
15.	Kali clorid 10% ống	Tiêm/truyền	10ml	Ống	20
16.	Calci gluconat/calci clorua 10%	Tiêm/truyền		Ống	20
17.	Natri bicacbonat 8,4% ống	Tiêm/truyền		Ống	20
18.	Magie sulphat 15% ống 5ml	Tiêm/truyền	5ml	Ống	20
19.	Natri clorid 0,9% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	20
20.	Glucose 5% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	20
21.	Glucose 10% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	20
22.	Ringer lactat	Tiêm/truyền		Chai	20
23.	Ringer lactat + Glucose	Tiêm/truyền		Chai	20
24.	Hydrocortison 100mg	Tiêm/truyền		Lọ	10
25.	Dexamethasone 0,5mg	Uống		Viên	2400
26.	Methylprednisolon 125mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	10
27.	Paracetamol 0,5g	Uống		Viên	120

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
28.	Vitamin C 0,5g	Uống		Viên	600
29.	Orezol 1g			Gói	480
	Thuốc khác khi cần thiết, sử dụng từ nguồn thuốc sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh				
<p><i>Lưu ý:</i></p> <p>1) Khi không có các thuốc có hàm lượng trong danh mục trên, các cơ sở có thể lựa chọn các thuốc với hàm lượng khác và quy đổi tương đương.</p> <p>2) Khi không có các thuốc trong danh mục trên, các cơ sở có thể chọn thuốc khác cùng nhóm tác dụng điều trị.</p> <p>3) Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trữ.</p>					

**Phụ lục số 3.1. DANH MỤC NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU**

Khu vực 3: 01 Đơn vị 20 giường bệnh trong Khoa Hồi sức tích cực, điều trị 20 người bệnh COVID-19 nặng, nguy kịch (Khoa Hồi sức tích cực của Bệnh viện có hệ thống oxy trung tâm và nhân lực đủ năng lực kỹ thuật)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Bộ dụng cụ thở oxy (bình làm ẩm, đồng hồ đo lưu lượng...): 20 ổ thở oxy, khí nén, có thể mua loại chia đôi, cấm 01 ổ chia hai: 10 ổ oxy, khí nén.	Bộ	20
2.	Máy thở chức năng cao	Cái	8
3.	- Máy thở không xâm nhập, hoặc - Máy thở xâm nhập và không xâm nhập. Cần nhắc có thể lựa chọn thay thế HFNO nếu điều kiện của cơ sở triển khai được.	Cái	5
4.	Hệ thống oxy dòng cao HFNO, có thể chọn máy thở không xâm nhập nếu ô xy khí nén không phù hợp, cũng như RAM thở hiếm trên thị trường	Cái	3
5.	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	Cái	1
6.	Máy lọc máu liên tục (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	Cái	3
7.	Hệ thống ECMO (cho đơn vị đã có đủ năng lực kỹ thuật thực hiện, dùng chung cho 01 bệnh viện)	Hệ thống	1
8.	Máy X quang di động	Cái	1
9.	Máy siêu âm Doppler màu $\geq 3$ đầu dò	Cái	1
10.	Máy đo khí máu (đo được điện giải đồ, lactat, hematocrite)	Cái	1
11.	Máy theo dõi BN $\geq 5$ thông số	Cái	20
12.	Hệ thống oxy (có thể thay bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	Hệ thống	1
13.	Bơm tiêm điện	Cái	64
14.	Máy truyền dịch	Cái	28
15.	Máy hút đờm	Cái	20
16.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Cái	2
17.	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Cái	4
18.	Bộ đèn đặt nội khí quản thường	Bộ	2
19.	Bộ đèn đặt nội khí quản có camera (bao gồm 04 cỡ lưỡi)	Bộ	1
20.	Bộ khí dung kết nối máy thở	Bộ	8
21.	Máy khí dung thường	Cái	1
22.	Máy phá rung tim có tạo nhịp	Cái	1
23.	Máy điện tim $\geq 6$ kênh	Cái	1

<b>STT</b>	<b>Tên trang thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
24.	Bộ mở khí quản	Bộ	1
25.	Đèn thủ thuật	Cái	2
26.	Bóng ambu có van PEEP		2
27.	Bóng Ambu (quả)		20
28.	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Bộ	2
	Trang thiết bị khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh		
	<p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình BN COVID-19 để dự trù.</li> <li>- Các trang thiết bị có thể là thiết bị chung của Khoa Hồi sức tích cực hoặc của bệnh viện.</li> </ul>		

**Phụ lục 3.2. DANH MỤC NHU CẦU VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU**  
 Khu vực 3: 01 Đơn vị 20 giường bệnh trong Khoa Hồi sức tích cực, điều trị  
 20 người bệnh COVID-19 nặng, nguy kịch (Khoa Hồi sức tích cực của  
 Bệnh viện có hệ thống oxy trung tâm và nhân lực đủ năng lực kỹ thuật)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
 ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên vật tư tiêu hao	Đơn vị	Số lượng
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	Hộp	10
2.	Týp đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	Hộp 50 cái	180
3.	Que lấy mẫu ngoáy dịch tỵ hầu và que lấy mẫu dịch ngoáy họng	Hộp 100 cái	100
4.	Dây hút đờm kín	Chiếc	48
5.	Dây hút đờm thường	Chiếc	1700
6.	Mask có túi	Chiếc	135
7.	Mask thở máy không xâm nhập	Chiếc	45
8.	RAM thở không xâm nhập (NCPAP)	Chiếc	50
9.	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	Chiếc	135
10.	Dây thở oxy	Chiếc	135
11.	Quả lọc máu liên tục (1 quả/ngày/bn x 2 bn lọc máu x 12 ngày)	Quả	26
12.	Catheter lọc máu	Cái	26
13.	Quả ECMO	Quả	2
14.	Catheter ECMO động mạch và tĩnh mạch	Bộ	3
15.	Dây máy thở dùng một lần	Bộ	48
16.	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập	Bộ	24
17.	Catheter động mạch (theo dõi HA xâm lấn)	Chiếc	24
18.	Túi đựng dịch thải lọc máu	Túi	24
19.	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	Cái	24
20.	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Cái	32
21.	Catheter dẫn lưu màng phổi	Cái	25
22.	Túi đo nước tiểu	Túi	40
23.	Sonde foley	Cái	40
24.	Điện cực dính	Cái	500
25.	Phin lọc khuẩn và vi rút dây máy thở	Cái	48
26.	Canuyn mở khí quản cỡ từ 3,5, 4, 4,5, 5, 5,5, 6, 6,5, 7, 7,5 và 8 (mỗi loại 02 cái)	Chiếc	20
27.	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	Bộ	3
28.	Dây nối máy thở	Chiếc	24
29.	Tấm che MIKA (khi đặt ống NKQ)	Cái	5
30.	Kit xét nghiệm PCR COVID-19	Test	170

<b>STT</b>	<b>Tên vật tư tiêu hao</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sử dụng từ nguồn sẵn có của Cơ sở KCB		
	<i>Lưu ý: Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù.</i>		

### Phụ lục 3.3. DANH MỤC NHU CẦU THUỐC THIẾT YẾU

Khu vực 3: 01 Đơn vị 20 giường bệnh trong Khoa Hồi sức tích cực, điều trị 20 người bệnh COVID-19 nặng, nguy kịch (Khoa Hồi sức tích cực của Bệnh viện có hệ thống oxy trung tâm và nhân lực đủ năng lực kỹ thuật)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
1.	Immunoglobulin tĩnh mạch 2,5 g hoặc 5g	Tiêm/truyền		Lọ	448
2.	Vancomycin 500mg	Tiêm/truyền		Lọ	1200
3.	Meropenem 500mg	Tiêm/truyền		Lọ	200
4.	Imipenem/Cilastatin 500mg +500mg	Tiêm/truyền		Lọ	200
5.	Ceftriaxon 1g/Cefotaxime 1g	Tiêm/truyền		Lọ	200
6.	Levofloxacin 0,5 g	Tiêm/truyền	100ml	Lọ	600
7.	Cefazidime 500mg	Tiêm/truyền		Lọ	400
8.	Ertapenem 1g	Tiêm/truyền		Lọ	200
9.	Amikacin 0,5 g	Tiêm/truyền	2ml	Lọ	300
10.	Azithromycin 500mg	Uống		Viên	200
11.	Azithromycin sirô 200mg/5ml	Uống		Gói	10
12.	Linezolid 600mg/300 ml	Tiêm/truyền		Túi	20
13.	Adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	1 ml	Ống	3000
14.	Nor-adrenalin 1mg/ml	Tiêm/truyền	10ml	Ống	3000
15.	Milrinon 1mg/ml	Tiêm/truyền		Lọ	1200
16.	Dopamin 200mg/5ml	Tiêm/truyền	5ml	Ống	480
17.	Dobutamin 250mg/20m (hoặc 250mg/5ml, 250mg/250ml)			Ống	480
18.	Midazolam 5mg/ml	Tiêm/truyền	1ml	Ống	6000
19.	Fentanyl 0,5mg/10ml; 0,1mg/2ml	Tiêm/truyền	10ml ; 2ml	Ống	720
20.	Atracurium 2mg/ml	Tiêm/truyền	2,5ml	Ống	3000
21.	Phenobacbital 100mg/1ml/ống	Tiêm/truyền	1ml	Ống	120
22.	Heparin 5000 UI/ml	Tiêm/truyền	5ml	Lọ	120
23.	Heparin trọng lượng phân tử thấp Lovenox 40mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	600

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
24.	Kali clorid 10% ống	Tiêm/truyền	10ml	Ống	3000
25.	Calci gluconat/calci clorua 10%	Tiêm/truyền		Ống	1200
26.	Natri bicarbonat 8,4% ống	Tiêm/truyền		Ống	240
27.	Magie sulphat 15% ống 5ml	Tiêm/truyền	5ml	Ống	600
28.	Albumin 20%/50ml	Tiêm/truyền	50ml	Lọ	800
29.	Dịch lọc máu liên tục theo máy			Túi	480
30.	Natri clorid 0,9% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	1560
31.	Glucose 5% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	600
32.	Glucose 10% 500ml	Tiêm/truyền	500ml	Chai	240
33.	Ringer lactat	Tiêm/truyền		Chai	480
34.	Ringer lactat + Glucose	Tiêm/truyền		Chai	1200
35.	Hydrocortison 100mg	Tiêm/truyền		Lọ	120
36.	Dexamethasone 4mg/ống	Tiêm/truyền	1ml	Ống	400
37.	Methylprednisolon 125mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	240
38.	Colistin 1 triệu UI	Tiêm/truyền		Lọ	720
39.	Ceftazidim + avibactam 2,5g	Tiêm/truyền		Lọ	360
40.	Sulfamethoxazole 400mg và trimethoprim 80mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	2400
41.	Fluconazol 200mg /100 ml	Tiêm/truyền		Lọ	30
42.	Amphotericin 50mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	120
43.	Amphotericin B 50mg/lọ	Tiêm/truyền		Lọ	120
44.	Cancidas 70mg	Tiêm/truyền		Lọ	60
45.	Micafungin 50mg	Tiêm/truyền		Lọ	180
	Thuốc khác khi cần thiết, sử dụng từ nguồn thuốc sẵn có của Cơ sở khám, chữa bệnh				
	<p><i>Lưu ý:</i></p> <p>1) Khi không có các thuốc có hàm lượng trong danh mục trên, các cơ sở có thể lựa chọn các thuốc với hàm lượng khác và quy đổi tương đương.</p> <p>2) Khi không có các thuốc trong danh mục trên, các cơ sở có thể chọn thuốc khác cùng nhóm tác dụng điều trị.</p> <p>3) Căn cứ kế hoạch mua sắm hàng năm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trữ.</p>				